

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG
TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN
NĂNG LỰC SINH VIÊN

ĐỀ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN
Học kỳ: 231 Năm học: 2023 – 2024

Mã học phần: **DPR0060** Tên học phần: **KỸ NĂNG GIAO TIẾP (2TC)**
Mã nhóm lớp HP: **231_ DPR0060**
Thời gian làm bài: **5 ngày (theo mốc thời gian quy định tại trang <https://online.vlu.edu.vn>)**
Hình thức thi: **Tiểu luận/Báo cáo (Nhóm - Có thuyết trình)**

Cách thức nộp bài (giảng viên nêu rõ yêu cầu cho sinh viên):

- Đại diện nhóm sinh viên nộp bài trên hệ thống thi (theo đường link do Trung tâm Khảo thí cung cấp tại trang <https://online.vlu.edu.vn/>).
- Các sản phẩm nhóm cần nộp gồm có đầy đủ các tài liệu bên dưới (và thêm tài liệu khác, nếu có theo yêu cầu của giảng viên) và cách đặt tên như sau:

| Stt | Sản phẩm cần nộp | Định dạng | Cách đặt tên: “Tên nhóm – Lớp học phần – Tên sản phẩm” |
|-----|--|--------------|---|
| 1 | Báo cáo/tiểu luận - có thể đính kèm sản phẩm như video, podcast,... (nếu có) | Word/ PDF | Ví dụ: “Hoa hồng đen – 231_DXH0022_ 01 – Tiểu luận” |
| 2 | Slide thuyết trình | Word/ PDF | Ví dụ: “Hoa hồng đen – 231_DXH0022_ 01 – Slide thuyết trình” |

Lưu ý: Trong phần bình luận nộp bài, đại diện nhóm ghi rõ tên nhóm, danh sách thành viên (họ tên, mã số sinh viên)

Môn học không cho phép sinh viên thi lại lần 2.

A. ĐỀ BÀI (BÀI THI NHÓM)

Mỗi nhóm sinh viên thực hiện một dự án cộng đồng liên quan đến ngành học nhằm giải quyết một vấn đề hướng tới thay đổi nhận thức, tạo ra hành động tích cực hoặc hỗ trợ phát triển cho cộng đồng.

• Tùy vào sở thích và thế mạnh của mình, nhóm sinh viên có thể chọn 1 trong 3 hướng sau đây để thực hiện dự án của mình:

- **Dự án cộng đồng (Community Project):** là các dự án mà mục tiêu được xác định là hướng đến phục vụ cho đời sống cộng đồng hay góp phần giải quyết các vấn đề trong cộng đồng như thúc đẩy quyền con người, bình đẳng giới, công bằng và phổ cập giáo dục, xóa đói giảm nghèo, bảo vệ môi trường, bảo vệ động vật...

- **Dự án nghiên cứu khoa học (Scientific Research):** là các dự án mà mục tiêu được xác định là nhằm thực hiện một đề tài nghiên cứu để tìm hiểu và giải quyết một vấn đề dựa trên phương pháp khoa học.

- **Dự án thương mại (Entrepreneurship/ Start-up):** là các dự án mà mục tiêu được xác định là tạo ra sản phẩm hoặc thiết kế dịch vụ để cung cấp cho thị trường, đáp ứng một nhu cầu cụ thể của thị trường để từ đó có thể mang lại một định hướng nghề nghiệp, hoặc khởi nghiệp của sinh viên.

• Chủ đề dự án sẽ thuộc 1 trong 17 mục tiêu phát triển bền vững dưới đây:

- Mục tiêu 1: Xóa nghèo dưới mọi hình thức ở mọi nơi.

- Mục tiêu 2: Xóa đói, đảm bảo an ninh lương thực và cải thiện dinh dưỡng, phát triển nông nghiệp bền vững.

- Mục tiêu 3: Đảm bảo cuộc sống khỏe mạnh và nâng cao phúc lợi cho tất cả mọi người ở mọi lứa tuổi.

- Mục tiêu 4: Đảm bảo giáo dục chất lượng, rộng mở và công bằng và nâng cao cơ hội học tập suốt đời cho tất cả mọi người.

- Mục tiêu 5: Đạt được bình đẳng giới và trao quyền cho tất cả phụ nữ và trẻ em gái.

- Mục tiêu 6: Đảm bảo sự sẵn có và quản lý bền vững nguồn nước và cải thiện các điều kiện vệ sinh cho tất cả mọi người.

- Mục tiêu 7: Đảm bảo việc tiếp cận năng lượng với giá cả hợp lý, tin cậy, bền vững và hiện đại cho tất cả mọi người.

- Mục tiêu 8: Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế dài hạn, rộng mở và bền vững, việc làm đầy đủ và năng suất và công việc tốt cho tất cả mọi người.

- Mục tiêu 9: Xây dựng cơ sở hạ tầng vững chắc, đẩy mạnh công nghiệp hóa rộng mở và bền vững, khuyến khích đổi mới.

- Mục tiêu 10: Giảm bất bình đẳng trong mỗi quốc gia và giữa các quốc gia.

- Mục tiêu 11: Xây dựng các đô thị và các khu dân cư mở cửa cho tất cả mọi người, an toàn,

vững chắc và bền vững.

- Mục tiêu 12: Đảm bảo các mô hình tiêu dùng và sản xuất bền vững.
- Mục tiêu 13: Có biện pháp khẩn cấp để chống lại biến đổi khí hậu và các tác động của nó.
- Mục tiêu 14: Bảo tồn và sử dụng bền vững các đại dương, biển và các nguồn tài nguyên biển cho phát triển bền vững.
- Mục tiêu 15: Bảo vệ, tái tạo và khuyến khích sử dụng bền vững các hệ sinh thái trên cạn, quản lý tài nguyên rừng bền vững, chống sa mạc hóa, chống xói mòn đất và mất đa dạng sinh học.
- Mục tiêu 16: Thúc đẩy xã hội hòa bình và rộng mở cho phát triển bền vững, mang công bằng đến với tất cả mọi người và xây dựng các thể chế hiệu quả, có trách nhiệm và rộng mở ở tất cả các cấp.
- Mục tiêu 17: Đẩy mạnh cách thức thực hiện và đem lại sức sống mới cho quan hệ đối tác toàn cầu để phát triển bền vững.

A. HƯỚNG DẪN SINH VIÊN THỰC HIỆN

| THỜI GIAN | CÔNG VIỆC CỤ THỂ |
|------------------------|--|
| Tuần thứ 1 của môn học | Tìm hiểu về dự án môn học |
| Tuần thứ 2 của môn học | Hướng dẫn SV thành lập nhóm và lên ý tưởng dự án cuối kỳ |
| Tuần thứ 3 của môn học | Xây dựng kế hoạch thực hiện dự án cuối kỳ theo mẫu - phần 1 - file tổng hợp báo cáo cuối kỳ. |
| Tuần thứ 4 của môn học | Các nhóm trình bày kế hoạch thực hiện dự án cuối kỳ, GV chỉnh sửa kế hoạch và thống nhất triển khai |
| Tuần thứ 5 của môn học | Thực hiện dự án nhóm theo kế hoạch đã xây dựng |
| Tuần thứ 6 của môn học | Thực hiện dự án nhóm theo kế hoạch đã xây dựng, chuẩn bị nội dung báo cáo tiến độ thực hiện dự án vào buổi 9 |
| Tuần thứ 7 của môn học | <ul style="list-style-type: none"> - Các nhóm thuyết trình báo cáo tiến độ dự án nhóm - Mỗi nhóm viết bài truyền thông và thực hiện video clip (tối đa 3-5 phút) hoặc poster giới thiệu sản phẩm dự án của nhóm về TTPTNLSV theo thông báo |

| | |
|-------------------------|---|
| Tuần thứ 8 của môn học | <ul style="list-style-type: none"> - Các nhóm xây dựng báo cáo cuối kỳ theo mẫu - phần 2 - file tổng hợp báo cáo cuối kỳ. - Thiết kế slide trình bày |
| Tuần thứ 9 của môn học | <ul style="list-style-type: none"> - Hoàn thành dự án, chuẩn bị cho buổi thuyết trình cuối kỳ. Nộp sản phẩm gồm 1) Báo cáo/ tiểu luận, 2) Slide thuyết trình. - Hạn nộp: theo mốc thời gian quy định trên trang https://online.vlu.edu.vn/ |
| Tuần thứ 10 của môn học | <ul style="list-style-type: none"> - Các nhóm trình bày dự án trong phần thuyết trình cuối kỳ - Nộp sản phẩm dự án về TTPTNLSV theo thông báo |

B. HƯỚNG DẪN SINH VIÊN TRÌNH BÀY BÀI TIỂU LUẬN NHÓM

1. Nội dung bài tiểu luận gồm có các phần

- Phần I. Kế hoạch thực hiện dự án (*thực hiện từ tuần 3 và hoàn thiện ở tuần 4*)
- Phần II. Báo cáo kết quả thực hiện dự án (*thực hiện từ tuần 8 và hoàn thành ở tuần 10*)

2. Hình thức trình bày bài tiểu luận nhóm

- Trang bìa, tiêu đề của tiểu luận viết hoa, in đậm, size 15.
- Bài tiểu luận được đánh máy bằng vi tính, tối đa 15 trang khổ A4 và theo định dạng sau: font Unicode (Times New Roman), cỡ chữ 13, paper size: width 21 cm, height 29,7cm (A4); margin: top 2cm, bottom 2cm, left 3cm, right 2cm.
- Bài viết cần có trích dẫn tài liệu và lập danh mục tài liệu tham khảo.
- Hình ảnh minh họa – phụ lục nếu có.

C. TIÊU CHÍ CHẤM ĐIỂM

Điểm thi cuối kỳ bao gồm các điểm thành phần sau:

| Stt | Thành phần | Điểm |
|-----|---|------|
| 1 | Kế hoạch thực hiện dự án (Phần I của báo cáo) | 100 |
| 2 | Báo cáo/ tiểu luận (Phần II của báo cáo) | 100 |
| 3 | Slide thuyết trình | 100 |
| 4 | Thuyết trình nhóm tại lớp | 100 |

Rubric chấm điểm:

| Tiêu chí | Xuất sắc | Đạt | Kém |
|---|----------|-----|-----|
| 1. Kế hoạch thực hiện dự án - Phần I của báo cáo (100 đ) | | | |

| Tiêu chí | Xuất sắc | Đạt | Kém |
|---|---|---|---|
| 1.1. Ý tưởng dự án | Dự án gắn với 1 trong 17 mục tiêu phát triển bền vững, có khả năng hỗ trợ cho cộng đồng. | Dự án thể hiện được 1 trong 17 mục tiêu phát triển bền vững, nhưng chưa thể hiện rõ yếu tố vì cộng đồng. | Dự án không gắn với 1 trong 17 mục tiêu phát triển bền vững, tính vì cộng đồng chưa cao. |
| | 10 đ | 5 đ | 0 đ |
| 1.2. Tính cấp thiết của dự án | Phân tích rõ ràng, thuyết phục về tính cấp thiết của dự án, thể hiện ý nghĩa và tầm quan trọng của dự án đối với cộng đồng. | Nêu được thông tin về tính cấp thiết của dự án, nhưng chưa thể hiện rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của dự án đối với cộng đồng. | Không phân tích tính cấp thiết của dự án, không thể hiện được ý nghĩa, tầm quan trọng của dự án. |
| | 20 đ | 10 đ | 0-5 đ |
| 1.3. Đối tượng thụ hưởng/tác động | Nắm rõ đặc điểm của đối tượng thụ hưởng/ tác động, có miêu tả cụ thể (Head – Heart - Hand). | Chưa thể hiện rõ đặc điểm của đối tượng thụ hưởng/ tác động, trình bày chung chung. | Không nêu được đặc điểm của đối tượng thụ hưởng/ tác động. |
| | 10 đ | 5 đ | 0 đ |
| 1.4. Mục tiêu của dự án | Các mục đáp ứng đầy đủ tiêu chí SMART. | Các mục tiêu học tập đáp ứng được 3-4 tiêu chí SMART. | Các mục tiêu học tập chỉ đáp ứng được 1-2 tiêu chí SMART. |
| | 20 đ | 10 đ | 0-5 đ |
| 1.5. Kế hoạch thực hiện dự án | Kế hoạch thực hiện đầy đủ, rõ ràng, bám sát mục tiêu dự án và đảm bảo được tiến độ chung của chương trình học. | Kế hoạch thực hiện chưa đầy đủ, rõ ràng, chưa bám sát mục tiêu dự án. Chưa đảm bảo được tiến độ chung của chương trình học. | Không nêu hoặc có nêu kế hoạch nhưng không phục vụ cho mục tiêu của dự án, không đúng tiến độ của chương trình học. |
| | 20 đ | 10 đ | 0-5 đ |
| 1.6. Phân công nhiệm vụ các thành viên | Phân công công việc hợp lý giữa các thành viên, nội dung phân công rõ ràng, khoa học | Có phân công công việc giữa các thành viên nhưng khối lượng, nội dung công việc chưa hợp lý | Không phân công rõ ràng khối lượng và nội dung công việc giữa các thành viên. |
| | 20 đ | 10 đ | 0-5 đ |

| Tiêu chí | Xuất sắc | Đạt | Kém |
|--|--|---|--|
| 2. Báo cáo/ tiểu luận - Phần II của báo cáo (100 đ) | | | |
| 2.1. Thông tin chung về dự án | Giới thiệu rõ ràng về dự án; nêu được ý nghĩa, điểm mới/sáng tạo, tính khoa học của dự án, có thêm những thông tin thực tế, chi tiết về đối tượng thụ hưởng của dự án. | Giới thiệu rõ ràng về dự án; chưa nêu bật được ý nghĩa, điểm mới/sáng tạo và tính khoa học của dự án; có thêm thông tin thực tế về đối tượng thụ hưởng của dự án. | Giới thiệu thông tin về dự án sơ sài, không nêu được điểm mới/sáng tạo, tính khoa học của dự án; không có thêm thông tin thực tế về đối tượng thụ hưởng của dự án. |
| | 10 đ | 5 đ | 0 đ |
| 2.2. Trình bày quá trình thực hiện dự án | Miêu tả chi tiết quá trình thực hiện, nêu được những khó khăn, thuận lợi, rút được những bài học kinh nghiệm có ý nghĩa. | Nêu được quá trình thực hiện, có nêu nhưng không đầy đủ những khó khăn, thuận lợi, bài học kinh nghiệm sau dự án. | Không trình bày rõ quá trình thực hiện, chưa thấy rõ những khó khăn, thuận lợi, bài học kinh nghiệm sau dự án. |
| | 20 đ | 10 đ | 0-5 đ |
| 2.3. Kết quả thực hiện dự án | Kết quả đạt được mang tính đột phá, sản phẩm mang lợi giá trị và có sức ảnh hưởng lớn đến đối tượng thụ hưởng thông qua các minh chứng bằng số liệu, khảo sát, thực nghiệm,... | Dự án thực hiện có kết quả. Sản phẩm của dự án có tác động một phần đến đối tượng thụ hưởng. | Dự án được thực hiện nhưng không có kết quả. Sản phẩm của dự án không có tác động/ giá trị đến đối tượng thụ hưởng. |
| | 20 đ | 10 đ | 5 đ |
| 2.4. Những kỹ năng áp dụng được trong khi thực hiện dự án | Phân tích, trình bày rõ những kỹ năng mà nhóm đã áp dụng trong khi thực hiện dự án, thấy được ý nghĩa của các kỹ năng mềm trong học tập và cuộc sống. | Liệt kê và giải thích được những kỹ năng mà nhóm đã áp dụng trong khi thực hiện dự án. | Không nêu hoặc mới liệt kê mà không giải thích được những kỹ năng nhóm đã áp dụng trong khi thực hiện dự án. |
| | 20 đ | 10 đ | 0-5 đ |

| Tiêu chí | Xuất sắc | Đạt | Kém |
|--|---|--|---|
| 2.5. Video clip/ poster/ Hình ảnh giới thiệu dự án nhóm | Clip đảm bảo thời lượng 3-5 phút/ Poster/ Hình ảnh đẹp mắt; cung cấp được những nội dung cần thiết về dự án; thể hiện sáng tạo, thu hút khán giả. | Clip chưa đảm bảo thời lượng 3-5 phút/ Poster/ Hình ảnh phù hợp; cung cấp được thông tin về dự án nhưng chưa thực sự sáng tạo, chưa thu hút khán giả. | Clip/ Poster/ Hình ảnh không đạt yêu cầu về thời lượng, nội dung; chưa thu hút khán giả. |
| | 10 đ | 5 đ | 0đ |
| 2.6. Bài viết chia sẻ về dự án nhóm trên mạng xã hội | Bài viết giới thiệu những thông tin cơ bản của dự án; nêu được ý nghĩa của dự án; trình bày hấp dẫn, thu hút người đọc. | Bài viết chia sẻ những thông tin cơ bản của dự án; nhưng chưa nêu bật ý nghĩa của dự án; trình bày chưa hấp dẫn. | Không có bài viết hoặc có nhưng chưa cung cấp được thông tin cơ bản của dự án; trình bày chưa hấp dẫn, không thu hút người đọc. |
| | 10 đ | 5 đ | 0 đ |
| 2.7. Hình thức trình bày | Trình bày đầy đủ các nội dung yêu cầu, rõ ràng, định dạng font chữ, size chữ đúng yêu cầu, đẹp mắt, có trích dẫn khoa học và danh mục tài liệu tham khảo. | Trình bày đầy đủ các nội dung yêu cầu, rõ ràng, định dạng font chữ, size chữ đúng yêu cầu nhưng chưa đẹp mắt, có danh mục tài liệu tham khảo nhưng chưa nêu trích dẫn. | Trình bày không đầy đủ các nội dung; định dạng font chữ, size chữ chưa đúng yêu cầu; không có trích dẫn và danh mục tài liệu tham khảo. |
| | 10 đ | 5 đ | 0 đ |
| 3. Slide thuyết trình (100 đ) | | | |
| 3.1. Trình bày nội dung | Thể hiện đầy đủ các ý chính, nội dung rõ ràng, logic, dễ hiểu. | Thể hiện đầy đủ các ý chính, nội dung rõ ràng nhưng chưa logic. | Không thể hiện đầy đủ các ý chính, nội dung khó hiểu. |
| | 40 đ | 20 đ | 0-10 đ |
| 3.2. Chữ trong slide | Font chữ thống nhất, size chữ to rõ, dễ đọc, số lượng chữ phù hợp, không có lỗi chính tả. | Font chữ thống nhất, size chữ to rõ, dễ đọc nhưng số lượng chữ còn nhiều, không có lỗi chính tả. | Font chữ không thống nhất, chữ nhỏ khó đọc, có lỗi chính tả. |
| | 20 đ | 10 đ | 0-5 đ |

| Tiêu chí | Xuất sắc | Đạt | Kém |
|--|--|--|---|
| 3.3. Bố cục slide | Trình bày đẹp mắt, màu sắc hài hòa, kết hợp các phương tiện, hiệu ứng hỗ trợ nội dung thuyết trình hiệu quả. | Trình bày đẹp mắt, màu sắc hài hòa nhưng các phương tiện, hiệu ứng hỗ trợ chưa hiệu quả. | Trình bày chưa thu hút, rối mắt, màu sắc khó theo dõi. |
| | 40 đ | 20 đ | 0-10 đ |
| 4. Thuyết trình nhóm tại lớp (100 đ) | | | |
| 4.1. Chuẩn bị trang thiết bị, vật dụng cho thuyết trình | Chuẩn bị chu đáo, sẵn sàng trước khi thuyết trình. | Có chuẩn bị nhưng chưa đầy đủ, còn thiếu sót nhỏ. | Không có sự chuẩn bị, ảnh hưởng đến thời gian chung của lớp. |
| | 20 đ | 10 đ | 0-5 đ |
| 4.2. Cách thuyết trình | Trình bày lưu loát, không phụ thuộc vào slide/ giấy nhắc. | Không phụ thuộc vào slide/ giấy nhắc nhưng trình bày chưa lưu loát. | Cầm giấy đọc hoặc nhìn vào slide để đọc. |
| | 20 đ | 10 đ | 0-5 đ |
| 4.3. Kỹ năng thuyết trình | Dẫn dắt vấn đề và lập luận lôi cuốn, thuyết phục. Bố cục đầy đủ các phần (mở đầu, nội dung chính, kết luận), nội dung logic, rõ ràng, dễ hiểu. | Trình bày đầy đủ các phần (mở đầu, nội dung chính, kết luận), nội dung rõ ràng nhưng chưa lôi cuốn. | Trình bày không đầy đủ, nội dung không rõ ràng, người nghe không hiểu được. |
| | 20 đ | 10 đ | 0-5 đ |
| 4.4. Tương tác với người nghe | Tương tác bằng mắt và cử chỉ tốt. Thu hút và duy trì được sự chú ý của khán giả từ đầu đến cuối. Trả lời các câu hỏi của khán giả đầy đủ, rõ ràng, thỏa đáng | Có tương tác bằng mắt và cử chỉ với khán giả, thu hút sự chú ý của khán giả nhưng không thường xuyên. Trả lời được câu hỏi của khán giả; định hướng được những câu chưa trả lời được | Không có tương tác bằng mắt và cử chỉ. Không trả lời được câu hỏi của khán giả. |
| | 20 đ | 10 đ | 0-5 đ |

| Tiêu chí | Xuất sắc | Đạt | Kém |
|-------------------------------|---|--|--|
| 4.5. Quản lý thời gian | Làm chủ thời gian và hoàn toàn linh hoạt điều chỉnh theo tình huống | Hoàn thành đúng thời gian, còn vài phần chưa cân đối | Quá giờ/ kết thúc sớm hơn nhiều so với thời lượng cho phép |
| | 20 đ | 10 đ | 0-5 đ |

Trưởng Bộ phận Đào tạo Kỹ năng

kiểm duyệt đề thi



ThS. Đinh Văn Mãi

Ngày kiểm duyệt: 29/09/2023

Giảng viên biên soạn đề thi



ThS. Trần Lê Ngọc Ánh

(SĐT: 0393.467.266)

Ngày biên soạn: 28/09/2023

Sau khi kiểm duyệt đề thi, **Trưởng (Phó) Khoa/Bộ môn** gửi về Trung tâm Khảo thí qua email: khaothivanlang@gmail.com bao gồm file word và file pdf.